

Bản tin Phân tích kỹ thuật

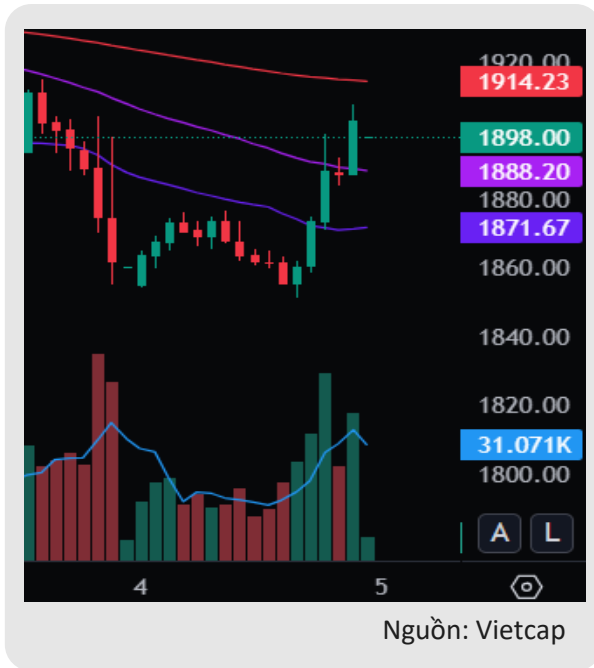
04/11/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111FB000 đóng cửa với tín hiệu tăng giá và khuynh hướng kiểm định lại vùng 1.915 điểm.
- Vị thế mua được mở với mục tiêu là vùng 1.915 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.888 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1898 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.915 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.888 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Trung tính
VN30	Trung tính	Trung tính
VNMid	Trung tính	Trung tính
VNSmall	Trung tính	Trung tính
HNX	Trung tính	Trung tính



Nguồn: Vietcap

- Hoạt động mua giá thấp xuất hiện trên nhóm vốn hóa lớn khi chỉ số VN-Index tiếp cận vùng 1.600 điểm, thu hẹp hoàn toàn đà tăng trong ngày và gia tăng xác suất kết thúc nhịp điều chỉnh, tạo vùng đáy ngắn hạn tại 1.600 điểm. Tín hiệu ngắn hạn ở tất cả các chỉ số nâng từ mức Tiêu cực lên Trung tính nhằm theo dõi quán tính tăng giá trong thời gian tới.
- Phiên tăng 04/11 chưa làm thay đổi cấu trúc kỹ thuật trên nhóm vốn hóa lớn nói chung và các nhóm ngành chiếm tỷ trọng cao nói riêng. Tuy nhiên, đà điều chỉnh trước đó đã chứng lại trên 60% cổ phiếu Ngân hàng, 50% cổ phiếu Bất động sản và 60% cổ phiếu Chứng khoán.
- Trong thời gian tới, chỉ số VN-Index sẽ tiếp cận vùng 1.675-1.700 điểm. Tuy nhiên, trong quá trình tăng giá, chỉ số sẽ gặp phải các hoạt động giảm co nhất định trong phiên bởi áp lực bán tồn đọng trong giai đoạn điều chỉnh trước. Hỗ trợ 1.645 điểm (+/- 5 điểm) sẽ đóng vai trò kích thích lực cầu giá thấp nhằm hỗ trợ hoạt động hồi phục. Các vị thế mua mới ngắn hạn có ngưỡng dừng lỗ/giảm tỷ trọng tại 1.600 điểm.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	201,000	2.87%	-8.68%	774,456	4.923	2,287	5.3	87.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	29,500	6.88%	0.17%	234,051	3.574	2,603	1.5	11.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	35,000	4.17%	-2.78%	248,018	2.292	3,113	1.5	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	49,950	2.99%	1.94%	268,231	1.779	6,208	1.6	8.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	24,000	3.90%	0.00%	193,320	1.671	3,017	1.5	8.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VHM	100,200	1.73%	-6.36%	411,563	1.576	6,133	1.9	16.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	60,100	1.35%	0.17%	502,176	1.503	4,202	2.3	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	37,900	2.16%	2.16%	266,110	1.273	3,781	1.6	10.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,750	2.69%	-0.19%	205,319	1.224	1,876	1.6	14.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VRE	33,500	6.86%	-8.97%	76,123	1.158	2,144	1.7	15.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	34,750	6.92%	-3.07%	72,138	1.108	1,882	2.3	18.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MSN	80,000	3.90%	1.27%	115,673	1.000	2,196	3.4	36.4	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
STB	53,900	3.06%	-5.11%	101,613	0.690	6,519	1.6	8.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
LPB	51,700	1.97%	-2.08%	154,442	0.676	3,469	3.6	14.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VIX	27,850	6.91%	-12.97%	42,650	0.654	2,766	2.1	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SHS	22,800	9.62%	-4.60%	20,508	1.596	1,519	1.7	15.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HUT	18,000	9.09%	7.14%	19,229	1.415	488	1.8	36.9	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MBS	30,400	8.57%	1.00%	20,024	1.389	1,667	2.9	18.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	25,100	9.61%	-7.38%	14,242	1.108	360	2.3	69.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
KSF	81,500	1.24%	-0.73%	73,333	0.737	4,851	6.2	16.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IPA	19,400	7.78%	5.43%	4,148	0.261	2,558	0.9	7.6	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
THD	30,400	2.01%	-6.17%	11,704	0.191	220	2.7	137.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
DTK	11,700	-2.50%	-2.50%	8,739	-0.177	1,116	1.0	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	14,500	0.69%	-2.03%	27,907	0.157	-3,970	4.1	-3.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	15,400	-3.14%	-0.65%	5,390	-0.137	746	1.1	20.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

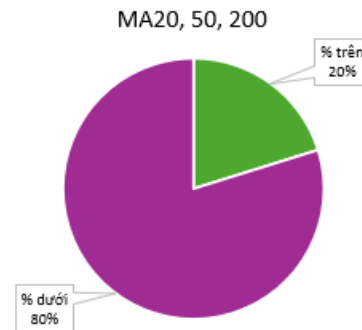
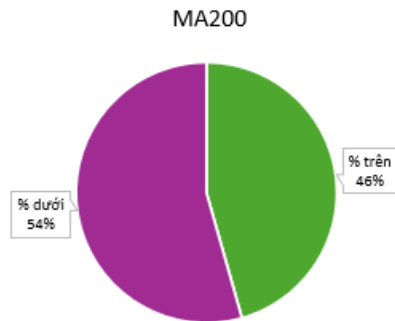
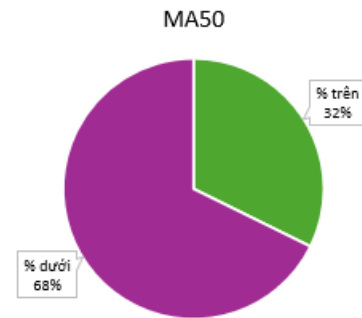
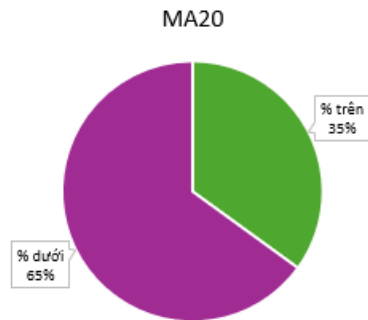
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	182,600	4.40%	21.81%	192,498	0.889	7,722	12.0	23.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	76,500	-0.78%	8.51%	228,688	-0.187	3,046	6.0	24.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	54,700	-0.91%	-0.36%	194,123	-0.184	2,971	2.9	18.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CC1	33,400	7.40%	9.51%	13,290	0.103	892	3.0	37.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DNH	46,000	-4.17%	-17.86%	19,430	-0.085	2,417	16.1	19.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MSR	22,400	2.28%	-3.03%	23,801	0.057	-389	2.0	-55.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEA	41,600	0.97%	5.32%	55,019	0.056	5,767	1.8	7.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEF	131,900	-2.15%	-0.45%	21,951	-0.050	96,612	3.3	1.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	63,500	-0.78%	-2.31%	46,560	-0.038	4,405	4.5	14.3	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PAP	24,600	-5.75%	-5.38%	5,707	-0.034	-1,736	2.8	-14.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	182,600	4.4%	327.9	65.5	105,000	179,292	12.0	23.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KHG	8,700	4.7%	346.5	109.0	4,900	8,500	0.7	60.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	35,150	0.1%	62.1	32.1	19,850	35,100	1.7	73.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LHC	110,600	2.4%	5.1	2.9	65,000	109,400	2.9	11.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CDC	30,000	2.7%	11.0	17.1	10,539	29,200	2.7	37.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NAG	9,400	-9.6%	5.8	8.2	9,602	16,900	0.8	11.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			04/11/2025	03/11/2025	31/10/2025	30/10/2025	29/10/2025	28/10/2025	27/10/2025	24/10/2025	23/10/2025	22/10/2025
VNINDEX	MA200	Trên	54%	53%	54%	55%	56%	52%	49%	49%	49%	49%
		Dưới	46%	47%	46%	45%	44%	48%	51%	51%	51%	51%
	MA50	Trên	27%	29%	33%	31%	29%	24%	24%	23%	23%	23%
		Dưới	73%	71%	67%	69%	71%	76%	76%	77%	77%	77%
	MA20	Trên	37%	35%	39%	42%	41%	30%	26%	24%	24%	23%
		Dưới	63%	65%	61%	58%	59%	70%	74%	76%	76%	77%

VN30	MA200	Trên	70%	67%	67%	67%	67%	67%	67%	67%	67%	63%
		Dưới	30%	33%	33%	33%	33%	33%	33%	33%	33%	37%
	MA50	Trên	27%	30%	30%	30%	27%	30%	20%	23%	23%	23%
		Dưới	73%	70%	70%	70%	73%	70%	80%	77%	77%	77%
	MA20	Trên	33%	27%	27%	40%	40%	40%	27%	33%	33%	27%
		Dưới	67%	73%	73%	60%	60%	60%	73%	67%	67%	73%

HNX	MA200	Trên	47%	46%	47%	47%	48%	45%	45%	44%	46%	45%
		Dưới	53%	54%	53%	53%	52%	55%	55%	56%	54%	55%
	MA50	Trên	35%	35%	36%	35%	35%	35%	34%	32%	32%	32%
		Dưới	65%	65%	64%	65%	65%	65%	66%	68%	68%	68%
	MA20	Trên	47%	46%	47%	47%	48%	45%	45%	44%	46%	45%
		Dưới	53%	54%	53%	53%	52%	55%	55%	56%	54%	55%

UPCOM	MA200	Trên	33%	33%	33%	32%	32%	29%	30%	28%	28%	27%
		Dưới	67%	67%	67%	68%	68%	71%	70%	72%	72%	73%
	MA50	Trên	34%	35%	35%	34%	33%	31%	33%	31%	30%	30%
		Dưới	66%	65%	65%	66%	67%	69%	67%	69%	70%	70%
	MA20	Trên	42%	42%	42%	41%	41%	40%	41%	40%	40%	40%
		Dưới	58%	58%	58%	59%	59%	60%	59%	60%	60%	60%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 18	Tháng 11										Tháng 10									
	04 ↓	03	31	30	29	28	27	24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10	09	08
1 Bảo hiểm	83	68	62	62	53	53	50	46	41	35	28	31	35	35	36	37	42	47	50	51
2 Y tế	75	-	-	-	-	-	-	49	54	56	53	49	62	57	60	61	63	67	72	62
3 Viễn thông	63	68	68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4 Công nghệ Thông tin	54	57	58	52	48	43	35	30	29	29	20	14	14	16	18	21	24	29	30	29
5 Điện, nước & xăng d...	54	55	56	50	44	38	31	32	36	31	25	27	35	36	36	39	41	43	44	44
6 Thực phẩm và đồ uồ...	54	54	54	55	51	47	45	46	47	47	45	49	52	53	54	56	61	61	62	60
7 Bán lẻ	53	51	57	59	60	55	55	57	59	57	51	53	61	63	62	61	62	63	59	55
8 Bất động sản	52	55	58	59	53	50	55	65	66	65	67	75	82	78	74	74	72	67	62	61
9 Dầu khí	52	53	48	41	39	38	39	41	39	35	31	33	37	37	30	33	37	46	41	34
10 Hóa chất	49	50	51	49	42	36	34	33	34	29	23	26	29	30	32	34	39	40	37	35
11 Hàng cá nhân & Gia ...	49	52	50	46	43	44	37	30	28	27	22	24	29	28	27	28	32	33	31	31
12 Tài nguyên Cơ bản	47	46	46	49	45	43	43	45	49	49	44	46	50	51	52	52	56	59	58	59
13 Hàng & Dịch vụ Cón...	45	45	49	51	49	43	43	47	46	45	41	40	43	44	44	41	43	46	47	47
14 Xây dựng và Vật liệu	42	44	48	47	42	42	44	47	51	51	52	56	59	55	55	58	62	63	62	63
15 Ô tô và phụ tùng	39	39	43	42	41	37	36	35	35	34	34	29	32	34	32	34	37	40	41	40
16 Ngân hàng	38	38	44	49	47	43	44	49	52	54	53	61	68	74	73	74	77	77	74	71
17 Du lịch và Giải trí	37	39	41	44	44	47	47	48	47	47	45	47	53	56	58	58	59	54	54	55
18 Dịch vụ tài chính	23	24	28	32	32	31	30	39	44	47	48	53	60	60	59	60	62	61	62	63

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	76,500	-0.8%	8.5%	228,688	6.0	24.7	3,046	134.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	182,600	4.4%	21.8%	192,498	12.0	23.6	7,722	327.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BCM	67,000	1.5%	0.8%	69,345	3.2	18.7	3,576	14.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEA	41,600	1.0%	5.3%	55,019	1.8	7.2	5,767	53.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KDH	35,600	4.7%	6.3%	39,951	2.2	41.5	857	413.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	18,000	9.1%	7.1%	19,229	1.8	36.9	488	81.4	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
BMP	171,000	-1.6%	0.7%	13,998	4.5	11.7	14,639	13.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHC	58,200	1.7%	3.6%	13,063	1.3	8.4	6,944	118.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PVD	22,900	3.4%	13.6%	12,730	0.8	14.3	1,602	382.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
KOS	39,300	0.3%	1.6%	8,508	3.7	563.4	70	17.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSH	38,000	-2.6%	6.1%	4,276	2.0	7.2	5,293	33.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KHG	8,700	4.7%	21.3%	3,910	0.7	60.1	145	346.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QCG	14,150	0.0%	8.0%	3,893	0.9	34.6	408	12.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MIG	18,250	-2.9%	7.0%	3,860	1.5	9.6	1,906	16.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	35,100	0.3%	3.2%	3,390	1.6	11.0	3,182	7.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAA	8,120	1.5%	6.7%	3,197	0.6	8.4	967	24.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
BMI	20,800	-0.7%	6.1%	3,131	1.1	10.5	1,988	9.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NCT	111,300	0.6%	1.3%	2,912	3.7	8.5	13,043	6.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCL	35,150	0.1%	13.4%	2,567	1.7	73.8	476	62.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TRC	77,600	0.4%	9.3%	2,328	1.1	6.6	11,743	20.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NAG	9,400	-9.6%	-23.0%	363	0.8	11.7	806	5.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	17,800	0.3%	0.3%	50,641	1.3	7.6	2,332	55.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TLG	52,100	-0.8%	-2.4%	4,572	1.8	10.8	4,818	8.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
NTC	159,000	-0.1%	-3.3%	3,816	3.0	9.7	16,326	8.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
TDP	33,550	-4.1%	-3.9%	2,960	2.7	32.5	1,033	9.8	Tiêu cực	-7.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
C4G	8,100	-1.2%	-2.4%	2,900	0.7	32.2	252	8.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
YEG	12,300	1.2%	-1.6%	2,359	1.2	15.3	806	19.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AAS	9,100	1.1%	-4.2%	2,055	0.8	12.7	703	29.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MST	5,500	-1.8%	-3.5%	460	0.5	21.6	255	11.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCO	10,400	0.0%	-1.9%	326	0.8	7.1	1,456	5.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	63,500	-0.8%	-2.3%	46,560	4.5	14.3	4,405	6.1	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
EIB	22,500	4.7%	-1.5%	41,911	1.6	13.8	1,635	186.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HCM	23,600	5.6%	-1.7%	25,487	2.4	16.4	1,441	345.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
QNS	45,300	1.1%	-1.7%	16,413	1.6	8.5	5,278	6.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	17,300	-0.6%	0.0%	8,130	1.0	8.3	2,090	44.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HNG	5,900	0.0%	0.0%	6,416	4.0	-5.8	-1,005	19.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
SCS	55,500	-0.7%	0.9%	5,266	3.4	7.7	7,183	30.6	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TCM	28,050	0.2%	-2.1%	3,143	1.3	11.1	2,535	33.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DRC	15,650	-0.9%	-2.2%	2,417	1.3	17.2	911	6.0	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LAS	16,800	-0.6%	-0.6%	1,896	1.3	11.9	1,412	5.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVL	13,400	3.88%	0.00%	20,000	55.0%	(1,958)	0.7	-6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	38,100	-0.26%	3.25%	56,100	46.9%	4,849	2.2	7.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
STK	17,000	-2.58%	0.61%	25,500	46.1%	178	1.4	95.4	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
DXS	10,450	6.96%	-3.24%	14,100	44.3%	639	1.0	16.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NLG	38,200	3.24%	4.23%	51,600	39.5%	2,194	1.9	17.4	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
KDH	35,600	4.71%	6.27%	47,100	38.5%	857	2.2	41.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	32,200	-0.92%	2.22%	45,000	38.5%	3,040	1.1	10.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	20,150	6.90%	-4.05%	26,000	37.9%	401	1.6	50.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
SZC	30,850	-0.16%	1.98%	42,400	37.2%	1,763	1.8	17.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VGC	47,950	2.57%	1.37%	64,100	37.1%	3,090	2.4	15.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,750	2.69%	-0.19%	35,300	35.5%	1,876	1.6	14.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DCM	35,000	1.30%	0.57%	46,600	34.9%	3,578	1.8	9.8	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
ACV	54,700	-0.91%	-0.36%	74,300	34.6%	2,971	2.9	18.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	29,500	6.88%	0.17%	37,000	34.1%	2,603	1.5	11.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGC	94,600	-0.94%	0.64%	126,000	31.9%	8,296	2.3	11.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	80,000	3.90%	1.27%	101,200	31.4%	2,196	3.4	36.4	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VCB	60,100	1.35%	0.17%	77,600	30.9%	4,202	2.3	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	43,800	3.79%	1.15%	55,200	30.8%	3,037	2.1	14.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SIP	56,000	-0.88%	1.82%	73,900	30.8%	5,474	2.7	10.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	24,000	3.90%	0.00%	30,000	29.9%	3,017	1.5	8.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn